

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2024-2025)
Lớp học phần: [23401314] - Cầu lông 2 (CCQ2312G)

STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%				Đ.THI	TBTK	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2				
					1	2	1	TBTH			
1	2123120439	Nguyễn Lan	Anh	25/03/2005	9.5	9.0	8.5	8.9	4.0	6.0	
2	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	9.5	9.0	8.5	8.9	4.0	6.0	
3	2123220016	Phạm Hải	Anh	10/04/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	4.0	5.9	
4	2123120384	Phan Tuấn	Anh	25/11/2005	8.0	7.5	8.5	8.1	9.0	8.7	
5	2123120388	Trương Nguyên	Anh	07/10/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
6	2123120430	Nguyễn Thành	Công	02/04/2005	8.5	8.5	8.5	8.5	4.0	5.8	
7	2123120351	Trần Tiến	Đạt	04/06/2005	8.5	9.5	8.5	8.8	9.0	8.9	
8	2123120362	Đỗ Thị Thúy	Diễm	12/12/2005	8.5	9.5	8.5	8.8	5.0	6.5	
9	2123120445	Hồ Thị Kim	Dung	18/06/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	8.0	8.3	
10	2123120412	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	23/02/2005	5.5	8.0	6.0	6.4	5.0	5.6	
11	2123120395	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/06/2005	8.5	9.0	6.0	7.4	4.0	5.4	
12	2123120436	Tô Thị Mỹ	Duyên	26/03/2005	7.5	8.0	7.0	7.4	8.0	7.8	
13	2123120389	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/02/2005	7.5	8.0	7.0	7.4	4.0	5.4	
14	2123120506	Lê Thị	Hảo	26/12/2005	5.5	8.0	6.0	6.4	8.0	7.4	
15	2123120427	Hoàng Thị	Hòa	09/10/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	9.0	8.9	
16	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	4.0	4.0	8.5	6.3	7.0	6.7	
17	2123220003	Phạm Quốc	Huy	14/05/2005	8.0	8.0	8.5	8.3	5.0	6.3	
18	2123120352	Võ Trần	Khang	23/02/2005	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	8.1	

19	2123120710	Lâm Tuấn	Kiệt	02/07/2004	8.5	9.0	6.0	7.4	10.0	9.0	
20	2123120376	Nguyễn Hồng	Lam	22/10/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	7.0	7.7	
21	2123120420	Châu Tuyền	Linh	30/06/2005	7.5	8.0	7.0	7.4	4.0	5.4	
22	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	8.5	9.0	6.0	7.4	4.0	5.4	
23	2123120424	Phạm Thành	Lộc	14/07/2003	8.5	9.5	9.5	9.3	8.0	8.5	
24	2123120438	Nguyễn Sỹ	Luân	06/07/2005	8.0	8.0	8.5	8.3	4.0	5.7	
25	2123120394	Nguyễn Thị Trúc	Ly	29/10/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	6.0	6.8	
26	2123120417	Trần Lệ	My	12/12/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	6.0	7.1	
27	2123120422	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	01/08/2005	8.0	8.0	8.5	8.3	4.0	5.7	
28	2123120524	Phạm Văn Hoàng	Ngọc	23/08/2003	8.5	8.5	9.5	9.0	9.0	9.0	
29	2123120447	Trần Thị Như	Nguyễn	22/01/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	10.0	9.5	
30	2123120413	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/11/2005	5.5	8.0	6.0	6.4	5.0	5.6	
31	2123120374	Mai Yến	Nhi	08/03/2005	6.5	7.5	8.5	7.8	9.0	8.5	
32	2123120459	Nguyễn Ngọc Bình	Nhi	30/11/2005	8.5	9.0	6.0	7.4	5.0	6.0	
33	2123120360	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/10/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	9.0	8.9	
34	2123120432	Phan Thị Yến	Nhi	25/02/2005	5.5	7.5	7.0	6.8	4.0	5.1	
35	2123120450	Trần Lệ	Nhi	13/09/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	7.0	7.7	
36	2123120343	La Bích	Nhi	20/02/2005	9.5	9.0	6.0	7.6	5.0	6.1	
37	2123120398	Hồ Quốc	Nhiên	20/06/2005	5.5	7.5	8.5	7.5	9.0	8.4	
38	2123190040	Lê Hoàng Yến	Như	25/06/2005	8.5	9.0	6.0	7.4	4.0	5.4	
39	2123120391	Phạm Thị Thảo	Như	21/06/2005	5.5	7.5	7.0	6.8	10.0	8.7	
40	2123120355	Mai Nhật	Phú	08/01/2005	9.0	9.5	8.5	8.9	9.0	9.0	
41	2123120431	Bùi Đình	Phúc	30/03/2005	7.5	8.0	8.0	7.9	6.0	6.8	
42	2123120390	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	01/11/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	8.0	8.3	
43	2123120570	Dương Hải Huyền	Phương	20/10/2005	7.5	8.0	6.0	6.9	4.0	5.2	
44	2123120403	Trương Mai	Phương	15/09/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	

45	2123120367	Nguyễn Thành	Quy	25/09/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	4.0	5.9	
46	2123120354	Nguyễn Huỳnh Thảo	Quyên	29/05/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
47	2123120393	Trần Thị Như	Quỳnh	26/06/2005	8.5	9.0	9.5	9.1	4.0	6.1	
48	2123120428	Lê Thị Minh	Tâm	25/03/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	10.0	9.2	
49	2123120418	Nguyễn Phương	Thảo	20/08/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	5.0	6.2	
50	2123120458	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/11/2005	8.5	9.0	7.5	8.1	6.0	6.9	
51	2123120363	Đoàn Bùi Minh	Thư	18/07/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	6.0	6.8	
52	2123120401	Trần Ái	Tình	14/12/2005	5.5	7.5	7.0	6.8	5.0	5.7	
53	2123120358	Dương Thị Bích	Trâm	15/04/2005	9.0	9.5	8.0	8.6	10.0	9.5	
54	2123120415	La Thị	Trang	23/04/2003	7.5	8.0	7.0	7.4	7.0	7.2	
55	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
56	2123120446	Phạm Thị	Trang	20/09/2002	8.5	9.0	9.5	9.1	8.0	8.5	
57	2123120410	Vi Thị Thuỳ	Trang	25/12/2005	8.5	9.0	6.0	7.4	7.0	7.2	
58	2123120382	Hồ Thị Thanh	Trúc	07/12/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
59	2123120435	Lê Anh	Tuấn	30/06/2004	8.5	9.0	8.0	8.4	10.0	9.4	
60	2123120392	Trần Anh	Văn	02/09/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
61	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
62	2123120347	Giang Thanh	Vy	27/01/2003	8.5	9.0	8.5	8.6	5.0	6.5	
63	2123120371	Trần Thị Thúy	Vy	27/04/2005	5.5	8.5	6.0	6.5	4.0	5.0	
64	2123120460	Đoàn Thị Hồng	Xoan	18/01/2004	8.5	9.0	6.0	7.4	4.0	5.4	
Tổng cộng:		64			####	####	458.00	476.25		417.30	

Ghi chú:

- "Mã bậc loại - Mã học phần - Tổ" gồm 12 ký tự, trong đó 04 ký tự đầu thể hiện cho Bậc đào tạo và Loại hình đào tạo, 6 ký tự tiếp theo là Mã học phần và Tổ
- Sinh viên nào đủ điều kiện dự thi sẽ đánh dấu X tại cột "Đủ điều kiện dự thi"
- Bảng ghi điểm lưu thành 04 bản: 01 bản chính lưu tại Phòng